

VII. Huyện U Minh:
1. Đất ở:

 Đơn vị tính : 1.000 đồng/m²

STT đoạn đường	Thuộc xã, thị trấn	Đoạn đường		Giá đất
		Từ	Đến	
	Xã Khánh An			
01	Ngã ba vàm Cái Tàu -Thới Bình	Buru điện	Trạm biến áp	700
02	nt	Trạm biến áp	Trụ điện vượt sông	500
03	nt	Trụ điện vượt sông	Bờ Tây Xẻo Dài	300
04	nt	Bờ Đông Xẻo Dài	Bờ Nam Cây Phú	200
05	Ngã ba Vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (bờ Đông)	Ngã ba vàm Cái Tàu	Hết ranh hăng nước đá	700
06	nt	Ranh hăng nước đá	Hết ranh đất ông Chín Yên	500
07	nt	Ranh đất ông Chín Yên	Bờ Nam Xẻo Tre	300
08	nt	Bờ Bắc Xẻo Tre	Giáp Nguyễn Phích	200
09	Kênh Xẻo Tre (2 bờ)	Nam Xẻo Tre	Kênh Xẻo Dài	150
10	nt	Bắc Xẻo Tre	Kênh Xẻo Dài	100
11	Ngã ba vàm Cái Tàu - Nguyễn Phích (bờ Tây)	Từ Nhà máy điện 1	Bờ Nam kênh Đào trả tuyến 21	350
12	nt	Bắc kênh Đào trả tuyến 21	Bờ Nam ông Diễm (giáp Nguyễn Phích)	200
13	Kênh Nam Dương (2 bờ)	Bờ Bắc kênh Nam Dương	Lộ xe Cà Mau – U Minh	200
14	nt	Bờ Nam kênh Nam Dương	Lộ xe Cà Mau – U Minh	100
15	Rạch Rô (2 bờ)	Hai bờ rạch Rô	Giáp ranh đất Trại giam Cái Tàu	100
16	Kênh Đào trả tuyến 21 - đầu Tuyến 21	Bờ Bắc kênh Đào trả tuyến 21	Cầu Thủy lợi	200
17	nt	Cầu kênh Thủy lợi	Giáp lộ xe U Minh – Cà Mau	400
18	nt	Hàng rào khu công nghiệp Khí-Điện-Đạm	Giáp lộ xe U Minh – Cà Mau	400
19	Lộ xe U Minh – Cà Mau (đoạn từ giáp Nguyễn Phích đến cầu Tắc Thủ)	Ngọn Ông Diễm	Tuyến 23	260
20	nt	Tuyến 23	Tuyến 21	500
21	nt	Tuyến 21	Kênh Hậu 500	500
22	nt	Kênh Hậu 500	Giáp cống bờ bao lộ Minh Hà	500

23	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Cầu Tắc Thủ	500
24	nt	Cống bờ bao lộ Minh Hà	Tuyến T19 (giáp Trần Văn Thời)	260
25	Bờ Nam kênh xáng Minh Hà – giáp Trần Văn Thời	Đầu kênh xáng Minh Hà	Hết ranh đất ông Chín Bảo	450
26	nt	Ranh đất ông Chín Bảo	Ngọn rạch Nhum	300
27	nt	Ngọn rạch Nhum	Tuyến T19 (giáp Trần Văn Thời)	200
28	Ngã ba vàm Cái Tàu – giáp Trần Văn Thời	Lộ mới 14km từ cầu Khánh An	Trạm phân phối khí	300
29	nt	Trạm phân phối khí (theo ống dẫn khí)	Trục lộ xe Cà Mau – U Minh	200
30	nt	Bờ Tây lộ nhựa (đầu tuyến 21 cũ)	Lộ 14km	500
31	nt	Lộ 14km	Cầu kênh xáng Minh Hà	500
32	nt	Cầu kênh xáng Minh Hà	Kênh ranh giáp Trần Văn Thời	500
33	nt	Bờ Đông lộ nhựa (đầu tuyến 21 cũ)	Kênh ranh giáp Trần Văn Thời	400
34	nt	Ngã ba vàm Cái Tàu (lộ lá)	Cầu Tắc Thủ	400
35	nt	Cầu Tắc Thủ	Kênh ranh giáp Trần Văn Thời	300
36	Lô 1 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà	Trại giam Cái Tàu	100
37	Lô 2 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà	Trại giam Cái Tàu	100
38	Lô 3 (2 bờ)	Lộ kênh xáng Minh Hà + 500m	Trại Giam Cái Tàu	100
39	nt	Rạch Gián, 2 bờ	Hết Lô 3	200
40	nt	Rạch Nhum, 2 bờ	Giáp lộ Minh Hà	200
41	Khu tái định cư	Đường số 1: từ đường số 2	Đường số 8	400
42	nt	Đường số 1A: từ đường số 4	Đường số 6	450
43	nt	Đường số 2: từ đường số 1	Đường số 11	550
44	nt	Đường số 3: từ đường số 2	Đường số 8	550
45	nt	Đường số 4: từ đường số 1	Đường số 11	450
46	nt	Đường số 5: từ đường số 2	Đường số 8	650
47	nt	Đường số 6: từ đường số 1	Đường số 11	450
48	nt	Đường số 7: từ đường số 2	Đường số 8	650
49	nt	Đường số 8: từ đường số 1	Đường số 11	450
50	nt	Đường số 9: từ đường số 2	Đường số 8	550
51	nt	Đường số 11: từ đường số 2	Đường số 8	400
52	nt	Đường số 11A: từ đường số 4	Đường số 6	450
	Xã Nguyễn Phích			

53	Bờ Đông sông Cái Tàu	Bờ Bắc Bảy Hộ	Bờ Nam Ông Khện	200
54	nt	Bờ Bắc Ông Khện	Bờ Nam Đội Tâm	280
55	nt	Bờ Bắc Đội Tâm	Bờ Nam Cây Khô (giáp thị trấn)	200
56	nt	Bờ Nam kênh Zê Rô	Cầu Bình Minh	250
57	nt	Bờ Bắc kênh Zê Rô	Giáp Thới Bình	150
58	nt	Bờ Tây kênh xáng Bình Minh	Giáp Khánh An	120
59	Rạch Ông Sâu	Bắc rạch Ông Sâu	Giáp Kênh Tư	150
60	nt	Nam rạch Ông Sâu	Giáp Kênh Tư	100
61	Rạch Tênh	Bắc Rạch Tênh	Giáp Kênh Tư	100
62	nt	Nam Rạch Tênh	Giáp Kênh Tư	150
63	Rạch Chệt	Bắc Rạch Chệt	Giáp Kênh Tư	100
64	nt	Nam Rạch Chệt		150
65	Bờ Tây sông Cái Tàu	Bờ Bắc Ông Điềm	Bờ Nam Rạch Rọi	160
66	nt	Bờ Bắc Rạch Rọi	Bờ Nam Bà Y	240
67	nt	Bờ Bắc Bà Y	Giáp ranh thị trấn	150
68	Đọc theo tuyến lộ xe U Minh – Cà Mau	Bờ Bắc Ông Điềm	Giáp thị trấn	350
69	Kênh Khai Hoang	Bờ Nam Khai Hoang	Lộ xe U Minh – Cà Mau	300
70	nt	Bờ Bắc Khai Hoang	Lộ xe U Minh – Cà Mau	150
	Thị trấn U Minh			
71	Phía Đông sông Cái Tàu	Bờ Bắc Rạch Cây Khô	Bờ Nam Rạch Làng	260
72	nt	Bờ Bắc Rạch Làng	Bờ Nam Rạch Chùa	600
73	nt	Bờ Bắc Rạch Chùa	Bờ Nam Rạch Cỏ	600
74	nt	Bờ Nam Rạch Cỏ	Bờ Nam Kênh 12	700
75	nt	Bờ Bắc Kênh 12	Hết ranh đất ông Huỳnh Châu	700
76	nt	Ranh đất ông Huỳnh Châu	Giáp ranh xã Khánh Hoà	370
77	nt	Bờ Nam Rạch Làng	Kênh Tư (LT2)	260
78	nt	Bờ Bắc Rạch Làng	Kênh Tư (LT2)	450
79	nt	Bờ Bắc Rạch Chùa	Kênh Tư (LT2)	350
80	nt	Bờ Nam Rạch Chùa	Kênh Tư (LT2)	260
81	nt	Rạch Cỏ 2 bờ Nam, Bắc	Cuối rạch	260
82	nt	2 bờ Nam, Bắc kênh 12	Hết ranh đất nhà ông Bảy Lập	400
83	nt	Ranh đất ông Bảy Lập	Kênh Tư (LT2)	260
84	nt	Bờ bao Kênh 12	Kênh Tư (LT2)	200

85	nt	Bờ bao Kênh 12	Kênh 16	200
86	Phía Tây sông Cái Tàu	Ranh Nguyễn Phích	Kênh Hai Chu	180
87	nt	Kênh Hai Chu	Hết ranh đất nhà ông Sáu Thuận	450
88	nt	Ranh nhà ông Sáu Thuận	Bờ Nam kênh Tràm Soái	600
89	nt	Bờ Bắc kênh Tràm Soái	Kênh Sáu Nhiều (giáp Khánh Hoà)	260
90	nt	Bờ Nam kênh Hai Chu	Giáp lộ U Minh – Cà Mau	200
91	nt	Bờ Bắc kênh Hai Chu	Giáp lộ U Minh – Cà Mau	370
92	nt	Bờ Bắc kênh Biện Nhị	Hết ranh đất nhà ông An	500
93	nt	Ranh đất nhà ông An	Kênh 30/4 (giáp Khánh Lâm)	200
94	Nt	Bờ Nam Biện Nhị (ranh đất ông Sinh)	Bờ Đông kênh Cây Bàng	300
95	Nt	Bờ Nam ngã ba Biện Nhị	Cầu Công Nông	600
96	Nt	Ngã 3 Bưu điện	Bắc cầu Hai Chu	600
97	nt	Bờ Nam cầu Hai Chu	Giáp ranh Nguyễn Phích	370
98	nt	Bờ Tây cầu Công Nông	Cổng quay Đê Bao LT1	260
99	2 bờ lộ xe U Minh – Khánh Hội	Cầu kênh Công Nông	Cổng Cây Bàng	370
	Xã Khánh Lâm			
100	Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội (bờ Bắc)	Tây Cây Bàng	Đông Chệt Tùng	200
101	Tuyến lộ xe U Minh – Khánh Hội (bờ Nam)	Bờ Tây Cây Bàng	Đông kênh Miễu	260
102	nt	Tây kênh Miễu	Đông Chệt Tùng	260
103	nt	Bờ Đông Chệt Tùng	Đập Chín Thống	150
104	Bờ Đông kênh Sáu Tiến - Đới 1	Đầu lộ xe	Cầu Hàng Gòn	260
105	nt	Đầu Dón Hàng Gòn	Đới 1	150
106	Bờ Tây kênh Sáu Tiến - Đới 1	Đầu lộ xe	Dón Hàng Gòn	200
107	nt	Dón Hàng Gòn	Đới 1	260
108	nt	Đới 1 (lộ nhựa)	Tuyến 29 -89	150
109	Đọc theo lộ nhựa tuyến 29	Tuyến 93 (giáp Nguyễn Phích)	Tuyến 84 (giáp Khánh Hội)	150
110	Kênh Dón Hàng Gòn – kênh Đứng	Bờ Nam cầu 6 Kham	Bờ Tây kênh Đứng	150
111	nt	Bờ Bắc cầu Dón Hàng Gòn	Bờ Tây kênh Đứng	100
112	nt	Tây kênh 10 Quân	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	100
113	nt	Tây Bà Mụ	Giáp kênh Dón Hàng Gòn	100
114	Kênh Biện Nhị bờ Nam	Tây Cây Bàng	Đông Chệt Tùng	150

115	Kênh Biện Nhị bờ Bắc	Tây kênh 30/4	Đông kênh Chệt Lèm	150
116	nt	Tây kênh Chệt Lèm	Cầu ngang Khánh Lâm	250
117	nt	Cầu ngang Khánh Lâm	Đông cầu ván (giáp Khánh Hội)	150
118	Kênh Kim Đài	Phía Tây đầu kênh	Giáp ranh xã Khánh Hoà	200
119	nt	Phía Đông đầu kênh	Giáp ranh xã Khánh Hoà	90
120	Kênh Ba Thước	Kênh Ba Thước, 2 bờ	Giáp Khánh Tiến	150
	Xã Khánh Hội			
121	Tuyến lộ U Minh – Khánh Hội, 2 bờ Nam, Bắc	Chệt Tùng	Đê Quốc phòng	550
122	Tuyến sông Kênh Hội, 2 bờ Nam, Bắc	Nam kênh Hội từ đê Quốc phòng	Chệt Tùng	550
123	nt	Bắc kênh Hội từ đê Quốc phòng	Kênh Cầu Ván	300
124	nt	Bờ Tây cầu Chệt Tùng	Ngã ba cầu Tư Đại	200
125	nt	Ngã ba cầu Tư Đại	Đập ông Chín Thống	250
126	Kênh xáng Mới – giáp Trần Văn Thời	Phía Tây kênh xáng Mới	Kênh 92	350
127	nt	Phía Đông kênh xáng Mới	Kênh 92	400
128	nt	Kênh 92, 2 bờ Đông, Tây	Kênh Giáo Bảy (giáp Trần Văn Thời)	200
129	Phía Đông đê Quốc phòng	Ranh đất ông Lâm Văn Thường	Kênh 92	300
130	nt	Kênh 92	Kênh Giáo Bảy (giáp Trần Văn Thời)	150
131	nt	Đê Quốc phòng	Tuyến T84 (giáp ranh Khánh Lâm)	150
132	Bờ tây kênh đê Quốc phòng	Đôn Biên phòng	Cống Lung Ranh	200
133	Bờ Tây kênh Cầu Ván	Đầu kênh Cầu Ván	Vàm Mũi Đước	200
134	nt	Ngã ba Mũi Đước	Cống Lung Ranh	200
	Xã Khánh Hoà			
135	Tuyến sông Hương Mai	Bờ Nam: từ ngã ba Kim Đài	Giáp Khánh Tiến	250
136	nt	Bờ Bắc: từ ngã ba Đường Cuốc	Giáp Khánh Tiến	150
137	Kênh Kim Đài – Khánh Lâm	Bờ Đông ngã ba Kim Đài	Hết ranh đất trường THCS K.Hoà	200
138	nt	Ranh đất trường THCS Khánh Hoà	Giáp Khánh Lâm	150
139	nt	Bờ Tây ngã ba Kim Đài	Giáp Khánh Lâm	250
140	Kênh Mũi Chùi	Bờ Bắc Mũi Chùi	Giáp Khánh Tiến	200
141	nt	Bờ Nam Mũi Chùi	Giáp Khánh Tiến	100
142	Ngã ba Kim Đài – ngã ba Lung Vườn	Bờ Nam ngã ba Kim Đài (UBND xã)	Ngã ba Lung Vườn	200
143	nt	Bờ Bắc ngã ba Đường Cuốc (Trạm y tế xã)	Ngã ba Lung Vườn	150

144	Ngã ba Đường Cuốc – Xã Thìn	Bờ Đông	Xã Thìn ((sông Cái Tàu)	150
145	nt	Bờ Tây	Xã Thìn (sông Cái Tàu)	180
146	nt	Bờ Tây kênh Lung Ngang	Ngã ba kênh Xáng Đứng	100
147	Độc tuyến sông Cái Tàu, bờ Đông	Từ ranh giáp thị trấn	Giáp kênh 5 Đất Sét	200
148	Độc tuyến sông Cái Tàu, bờ Tây	Từ ranh giáp thị trấn	Giáp kênh 5 Đất Sét	150
149	nt	Bờ Nam kênh 5 Đất Sét	Giáp ranh tỉnh Kiên Giang	150
	Xã Khánh Tiến			
150	Tuyến sông Hương Mai	Phía Nam lộ xe từ cống Hương Mai	Tây Công Điền	250
151	nt	Đông Công Điền	Giáp Khánh Hoà	250
152	nt	Phía Bắc từ cống Hương Mai	Tây Chà Là	100
153	nt	Đông Chà Là	Giáp Khánh Hoà	100
154	Kênh Chà Là - cống Tiểu Dừa	Bờ Tây ngã ba Chà Là	Ngã tư Tiểu Dừa	100
155	nt	Bờ Đông ngã ba Chà Là	Ngã tư Tiểu Dừa	100
156	nt	Bờ Nam ngã tư Tiểu Dừa	Cống Tiểu Dừa	200
157	UBND xã Khánh Tiến - Rạch Dinh	Bờ Tây UBND xã	Ngã tư Rạch Choại	200
158	nt	Bờ Đông UBND xã	Ngã tư Rạch Choại	100
159	nt	Bờ Tây ngã tư Rạch Choại	Ngã tư Rạch Dinh	150
160	nt	Bờ Đông ngã tư Rạch Choại	Ngã tư Rạch Dinh	100
161	nt	Bờ Bắc ngã tư Rạch Choại	Giáp Khánh Hòa	1.500
162	nt	Bờ Nam ngã tư Rạch Choại	Giáp Khánh Hoà	100
163	nt	Bờ Bắc ngã tư Rạch Choại	Đê Biển Tây	150
164	nt	Bờ Nam ngã tư Rạch Choại	Đê Biển Tây	100
165	Ngã tư Rạch Dinh – Khánh Lâm, Khánh Hội	Bờ Tây ngã tư Rạch Dinh	Ngã ba Lung Ranh	150
166	nt	Bờ Đông ngã tư Rạch Dinh	Ngã ba Lung Ranh	100
167	nt	Bờ Bắc ngã ba Lung Ranh	Cống Lung Ranh	200
168	nt	Bờ Bắc ngã tư Rạch Dinh	Đê Biển Tây	150
169	nt	Bờ Nam ngã tư Rạch Dinh	Đê Biển Tây	100
170	nt	Bờ Bắc ngã tư Rạch Dinh	Giáp Khánh Lâm	100
171	nt	Bờ Nam ngã tư Rạch Dinh	Giáp Khánh Lâm	150
	Đất ở nông thôn của các xã, thị trấn còn lại chưa có hạ tầng	- Thuận lợi giao thông thủy, bộ		70
		- Không thuận lợi giao thông thủy, bộ		50

2. Đất nông nghiệp:

a) Trong vùng quy hoạch thị trấn U Minh đến năm 2010:

- Đất trồng cây hàng năm : 24.000 đồng/m².
- Đất trồng cây lâu năm : 30.000 đồng/m².
- Đất nuôi trồng thủy sản (lúa – tôm) : 24.000 đồng/m².

b) Ngoài vùng quy hoạch thị trấn U Minh và các xã:

b.1) Ngoài vùng qui hoạch Trung tâm huyện gồm các xã: Khánh An, Thị Trấn, Khánh Hội, Khánh Lâm

- Đất trồng cây hàng năm : 12.000 đồng/m².
- Đất trồng cây lâu năm : 15.000 đồng/m².
- Đất nuôi trồng thủy sản (lúa – tôm) : 12.000 đồng/m².

b.2) Ngoài vùng qui hoạch Trung tâm huyện gồm các xã: Nguyễn Phích, Khánh Hoà, Khánh Tiến

- Đất trồng cây hàng năm : 12.000 đồng/m².
- Đất trồng cây lâu năm : 15.000 đồng/m².
- Đất nuôi trồng thủy sản (lúa – tôm) : 12.000 đồng/m².